

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-PT

Ngày 20/5/2019

V/v Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Huyền.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Kim Hương

Bà Ngô Thị Minh Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhiên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh KG.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh KG tham gia phiên tòa: Bà Mai Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03 và 20 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa An Nh dân tỉnh KG xét xử phúc thẩm công khai vụ An thụ lý số: 03/2019/TLPT-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 49/2018/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh KG bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ An ra xét xử phúc thẩm số:06/2019/QĐ-PT ngày 08 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn M A, sinh năm 1994; địa chỉ: ấp Tapasa 2, xã Tân Phú, huyện T B, tỉnh TC M. (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Lê Trí T , sinh năm 1991; địa chỉ: ấp Cạnh Đèn 2, xã Vĩnh Phong, huyện VT, tỉnh KG. (Có mặt)

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Lê Ý Nh, sinh năm 1991; địa chỉ: ấp 4, xã Trí Phải, huyện T B, tỉnh TC M.(Vắng mặt)

2. Ông Lê Văn N, sinh năm 1963; (vắng mặt)

3. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1971. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Cạnh Đèn 2, xã Vĩnh Phong, huyện VT, tỉnh KG.

- *Người khAng cAo*: anh Lê Trí T - là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn M A trình bày: Chị và anh T được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2015, không có đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh T thường xuyên đánh bài, đá gà không chăm lo cho cuộc sống gia đình. Chị có khuyên nhiều lần nhưng anh Tường không thay đổi. Đến tháng 4/2018 thì chị về nhà cha mẹ ruột ở vợ chồng ly thân cho đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn với anh Lê Trí T.

Về con chung: chị và anh T có 02 người con chung tên Lê Nguyễn Việt M, sinh ngày 18/02/2016 và chAu Lê Nguyễn B Tr, sinh ngày 27/12/2017 hiện đang sống với ông Lê Văn N, bà Nguyễn Thị D là cha mẹ của anh T. Nay chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Tài sản chung anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa An giải quyết. Về nợ chung chị và anh T có nợ tiền hụi của chị Lê Ý Nh số tiền 21.000.000 đồng. Anh T xin nhận trả số tiền này chị thống nhất.

Bị đơn anh Lê Trí T (Tường) tại bản tự khai ngày 12/10/2018 trình bày:

Về quan hệ hôn Nh: Anh và chị A được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2015, không có đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống được thời gian thì phAt sinh mâu thuẫn nguyên Nh từ việc anh đAnh bài, đA gà, vợ chồng xảy ra cự cãi. Đến thAng 4/2018 anh và chị A ly thân cho đến nay. Nay chị A yêu cầu được ly hôn anh thống nhất ly hôn.

Về con chung: Anh và chị A có 02 người con chung tên Lê Nguyễn Việt M, sinh ngày 18/2/2016 hiện đang sống với chị A và cháu Lê Nguyễn B Tr, sinh ngày 27/12/2017 hiện đang sống với anh. Vào ngày 27/8/2018, tại cuộc hòa giải của ban lãnh đạo ấp cạnh Đền 2 chị A và anh đã thống nhất thỏa thuận là chị A giao hai người con cho anh nuôi dưỡng. Anh nuôi được một thời gian thì chị A áM đến nay, còn cháu Lê Nguyễn B Tr thì anh nuôi dưỡng đến nay.

Anh yêu cầu tiếp tục được nuôi dưỡng cháu Tr, anh không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tài sản chung anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa An giải quyết. Về nợ chung anh và chị A có nợ chị Lê Ý Nh số tiền 21.000.000 đồng, anh xin nhận trả số tiền này, không yêu cầu chị A cùng trả.

Theo bản tự khai ngày 15/10/2018 Ông Lê Văn N, bà Nguyễn Thị D trình bày: Hiện vợ chồng bà đang chăm sóc nuôi dưỡng chAu Lê Nguyễn B Tr, con của

A và Tường, cuộc sống của chAu ổn định. Nay ông bà không đồng ý giao cháu Tr cho chị A nuôi dưỡng.

Theo bản tự khai ngày 16/10/2018 chị Lê Ý Nh trình bày: Chị và chị A có tham gia 02 dây hui, chị là chủ hui, chị A là hui viên. Hui 1000.000 đồng, khai vào ngày 20/02/2018, hui chưa mãn, chị A còn nợ chị 16.000.000 tiền hui chết và hui khai 500.000đ khai vào ngày 15/12/2017, hui chưa mãn, chị A còn nợ tiền hui chết là 5.000.000 đồng. Tổng cộng hai dây hui là 21.000.000 đồng. Nay chị A và anh T ly hôn đối với số tiền hui còn nợ chị, chị và anh Tường tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 49/2018/HNGĐ-ST ngày 27 thAng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh KG đã quyết định:

1. Về hôn nhân : Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Mĩ A (M A) và anh Lê Trí T (Tường).

2. Về con chung : Giao cháu Lê Nguyễn Việt M, sinh ngày 18/02/2016 (hiện đang sống với chị A) và Lê Nguyễn B Tr, sinh ngày 27/12/2017 (hiện đang sống với ông Lê Văn N, bà Nguyễn Thị D) cho chị Nguyễn M A trực tiếp nuôi dưỡng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về An phí và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

Ngày 11 tháng 12 năm 2018, ông Lê Trí T kháng cAo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giao cháu Lê Nguyễn B Tr cho anh tiếp tục nuôi dưỡng..

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Lê Trí T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Chị Nguyễn M A yêu cầu được nuôi hai con theo bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhâ dân tỉnh KG nêu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và những người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án tại phiên tòa phúc thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, của nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông N, chị Nh đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N và chị Nh đúng quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Về hôn Nh sau khi xét xử sơ thẩm chị A, anh Tường không kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị nên quyết định của bản án sơ thẩm về hôn nhân đã có hiệu lực pháp luật.

[3] Về con chung: Chị A và anh T thống nhất xác nhận anh chị có hai người con chung: tên Lê Nguyễn Việt M, sinh ngày 18/02/2016 và cháu Lê Nguyễn B Tr, sinh ngày 27/12/2017. Hiện nay chị A đang nuôi dưỡng cháu M còn anh T nuôi dưỡng cháu Tr.

Xét kháng cáo của anh T yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu Tr. Hội đồng xét xử phúc thẩm, xét thấy ngày 27/8/2018 tại biên bản hòa giải của ban lãnh đạo ấp Cạnh Đèn 2, xã Vĩnh Phong huyện VT, tỉnh KG giữa chị A và anh T đã thỏa thuận giao hai con là cháu M và cháu Tr cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi thỏa thuận xong, anh T đã nuôi dưỡng hai cháu theo thỏa thuận, anh nuôi dưỡng hai cháu được một thời gian thì chị A đến thăm con và mượn cháu M về bên ngoại chơi và giữ cháu lại nuôi dưỡng đến nay. Đối với cháu Tr từ khi anh T nuôi dưỡng đến nay cháu vẫn phát triển bình thường và ổn định. Anh T đã làm tròn trách nhiệm của mình về việc nuôi dưỡng cháu Tr. Đối với chị A là cán bộ phụ nữ ấp, phó ban lãnh đạo ấp, bí thư chi đoàn ấp, cộng tác viên y tế công việc cũng mất nhiều thời gian, nếu giao cả hai cháu cho chị nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo về thời gian cũng như điều kiện chăm sóc. Để giữ ổn định môi trường, điều kiện sinh sống của cháu Tr và vì lợi ích của cháu nên cần tiếp tục giao cháu Tr cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T và chị A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Về tài sản chung : Anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[6] Về nợ chung : Anh T, chị A và chị Nh thống nhất xác nhận là chị A, anh T còn nợ chị Nh 21.000.000đ. Anh T, chị A và chị Nh tự thỏa thuận anh T có trách nhiệm trả số nợ này cho chị Nh và chị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền anh T nợ nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Trên cơ sở những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy kháng cáo của anh T là có căn cứ chấp nhận. Không chấp nhận yêu cầu của chị A và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh KG.

Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của anh T được chấp nhận nên anh T không phải áp phí phúc thẩm. Hoàn trả lại cho anh T tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận nội dung kháng cáo của anh Lê Trí T
2. Sửa bản sơ thẩm số 49/2018/DS-ST ngày 27/11/2018 của Tòa An Nh dân huyện VT, tỉnh KG

Phân tuyên xử:

- Về hôn Nh: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn M A (M A) và anh Lê Trí T (Tuồng).

- Về con chung:

Giao cháu Lê Nguyễn Việt M, sinh ngày 18/02/2016 (hiện đang sống với chị A) cho chị Nguyễn M A chăm sóc, nuôi dưỡng.

Giao cháu Lê Nguyễn B Tr, sinh ngày 27/12/2017 (hiện đang sống với anh T và ông Lê Văn N, bà Nguyễn Thị D) cho anh Lê Trí T chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Lê Trí T và chị Nguyễn M A được quyền tới lui, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Anh T và chị A có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T và chị A không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí:

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn M A phải chịu án phí 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002143 ngày 12/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện VT, tỉnh KG

- An phí phúc thẩm: Anh Lê Trí T (Tuồng) không phải chịu án phí phúc. Hoàn trả cho anh Lê Trí T tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0002237 ngày 14/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện VT, tỉnh KG

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh KG;
- TAND huyện VT;
- THA dân sự huyện VT;
- CAC đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ An.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHAN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thanh Huyền

